

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 29/2020/DS-ST

Ngày 21-9-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*

Vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Cư và bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 04 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 08 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2020/QĐST-DS ngày 01/09/2020; giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Phạm Nữ Hà PH, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ dân PH2, phường Nguyễn N, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;

**** Bị đơn:*** Ông Phạm T sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ dân phố An Tr, phường Phổ N1, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ngày 06/03/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/04/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Phạm Nữ Hà PH trình bày:***

Xuất phát từ chỗ quen biết nhau, nên bà có cho ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 16/12/2017, bà cho ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 vay số tiền 190.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng; mục đích vay ông T, bà T1 nói là để kinh doanh, làm ăn của gia đình, hai bên thỏa thuận khi nào bà PH cần tiền thì báo trước từ 15 đến 30 ngày thì ông T, bà T1 trả tiền gốc và tiền lãi cho bà PH.

Lần thứ hai: Ngày 26/12/2017, bà cho bà Nguyễn Thị Ánh T1 vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng; mục đích vay bà T1 nói là để kinh doanh, làm ăn của gia đình, hai bên thỏa thuận khi nào bà PH cần tiền thì báo trước từ 15 ngày thì bà T1 trả tiền gốc và tiền lãi cho bà PH.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T, bà T1 đã trả tiền lãi cho bà đến tháng 11/2019 thì không trả tiền lãi cho bà nữa. Do ông T, bà T1 không trả tiền lãi cho bà theo thỏa thuận và bà cần tiền để sử dụng vào công việc cá nhân, nên bà gặp ông T, bà T1 yêu cầu trả nợ nhưng cố tình né tránh không trả nợ cho bà. Đến tháng 03/2020, bà thông báo cho ông T, bà T1 biết trong thời hạn 15 ngày phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà, nhưng cũng không trả. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phạm T có nghĩa vụ trả lại số tiền vay gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 01/9/2020 theo mức lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 16.060.500 đồng ($215.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 9 \text{ tháng} = 16.060.500 \text{ đồng}$). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 231.060.500 đồng, còn tiền lãi từ ngày 02/9/2020 đến nay bà không yêu cầu.

** Ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án hoặc đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Nữ Hà PH. Buộc ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Nữ Hà PH số tiền vay gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi là 16.060.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 có vay tiền của bà Phạm Nữ Hà PH 02 lần; lần thứ nhất ngày 16/12/2017, số tiền 190.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất; lần thứ hai: Ngày 26/12/2017, vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng; mục đích vay tiền là để kinh doanh, làm ăn của gia đình, hai bên thỏa thuận khi nào bà PH cần tiền thì báo trước từ 15 đến 30 ngày thì ông T, bà T1 trả tiền gốc và tiền lãi cho bà PH.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T, bà T1 đã trả tiền lãi cho bà PH đến tháng 11/2019 thì không trả tiền lãi nữa. Do ông T, bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên bà PH yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền vay gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 01/9/2020 theo mức lãi suất 0,83%/tháng, với số tiền là 16.060.500 đồng ($215.000.000 \times 0,83\% \times 9 \text{ tháng} = 16.060.500$ đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 231.060.500 đồng.

Xét yêu cầu của bà Phạm Nữ Hà PH, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là hợp đồng vay không thời hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự thì: *“Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước*

cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý”. Bà PH đã thông báo cho ông T, bà T1 trả nợ, nhưng vẫn không thực hiện. Do vậy bà PH khởi kiện yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền vay gốc 215.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu trả lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy vay tiền ngày 16/12/2017 các bên không có thỏa thuận lãi suất, còn tại giấy vay tiền ngày 26/12/2017, lãi suất các bên thỏa thuận 1,5%/tháng; theo đơn khởi kiện bà PH yêu cầu ông T, bà T1 trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà PH thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông T, bà T1 phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 01/9/2020 theo mức lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) với số tiền lãi là 16.060.500 đồng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải chịu là 11.553.025 đồng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Nữ Hà PH.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Nữ Hà PH. Buộc ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Nữ Hà PH số tiền là 231.060.500 đ (hai trăm ba mươi một triệu, không trăm sáu mươi ngàn, năm trăm đồng). Trong đó nợ gốc là 215.000.000 đồng, nợ lãi là 16.060.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phạm T và bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải chịu 11.553.025 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại 5.733.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Nữ Hà PH theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002853 ngày 17/04/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn